

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
9 tháng năm 2023 của Văn phòng Sở**

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 1008/UBND-KHTC ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 254/TB-STC ngày 15/12/2022 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 cho các Sở, ban, ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Kế hoạch phục vụ Tết Nguyên Đán Quý Mão năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-SVHTTDL ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023. Đơn vị: Văn phòng Sở;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-STC ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023 cho các đơn vị;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2023 của Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở và các phòng khối Quản lý hành chính có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Huy Hoàng

Tây Ninh, ngày 03 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số 451/QĐ-SVHTTDL ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2023 như sau:
Đvt.: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 (Bao gồm số chuyển nguồn năm)	Ước Thực hiện 9 tháng năm 2023	Ước Thực hiện/Dự toán năm (%)	Ước Thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (%)
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí	27	82,65	306%	
1	Lệ phí		7,5		
	Lệ phí xét tuyển viên chức		7,5		
2	Phí	27	75,2	278%	
	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	4,0	4,55	114%	
	Phí thẩm định cơ sở lưu trú	10,0	15,0	150%	
	Phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật	2,0	0,0	0%	
	Phí thẩm định tác phẩm nghệ thuật nhập khẩu		0,6		
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	2,0	7,5	375%	
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Karaoke		29,5		
	Phí thẩm định cấp Giấy phép thành lập công ty lữ hành nội địa	9,0	18,0	200%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	27,0	82,65	306%	
1	Lệ phí		7,5		
	Lệ phí xét tuyển viên chức		7,5		
2	Phí	27	75,2	278%	
	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	4,0	4,55	114%	
	Phí thẩm định cơ sở lưu trú	10,0	15,0	150%	

	Phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật	2,0	0,0	0%	
	Phí thẩm định tác phẩm nghệ thuật nhập khẩu		0,6		
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	2,0	7,5	375%	
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Karaoke		29,5		
	Phí thẩm định cấp Giấy phép thành lập công ty lữ hành nội địa	9,0	18,0	200%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.623	5.743,8	46%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.623	5.743,8	46%	
1	Chi quản lý hành chính	7.887	4.494	57%	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.608	3.870	69%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.880	429	23%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tự chủ	333	129	39%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ	66	66	100%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.050	462	44%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.050	462	44%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ				
5	Chi đảm bảo xã hội	30,8	30,8	100%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30,8	30,8	100%	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.568	329	21%	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500	329	22%	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	1.500	329	22%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ				
	Kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi.(Mã CTMTDA: 00516)	68	0		
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn	0	0	0%	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	370	19,0	5%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	370	19,0	5%	
9	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.718	409	24%	
	- CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới	60	50	83%	

- Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Mã 0516	1.658	359	22%	

Ngày tháng năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Huy Hoàng

